

Gia Lâm, ngày 29 tháng 10 năm 2024.

Số: 446/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ” giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Cà Thị N, sinh năm 2003.

Nơi thường trú: Thôn Y, xã D, huyện G, TP Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Quý T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội

(Đăng ký kết hôn số 44/2022 ngày 29/9/2022 của UBND xã D, huyện G, thành phố Hà Nội).

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cà Thị N, sinh năm 2003 và anh Phạm Quý T, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị N và anh T có 01 con chung là Phạm Quý Minh H, sinh ngày 09/3/2023. Khi ly hôn, giao cháu Phạm Quý Minh H cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung*: Chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị Cà Thị N tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0004429 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Hoàn trả chị Cà Thị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện G;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện G, TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đàm